

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
Nghị quyết Quy định nguyên tắc, điều kiện, mức chi hỗ trợ hoạt động
chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
giai đoạn 2023- 2030

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Khoa học và công nghệ (KH&CN) là động lực quan trọng cho phát triển kinh tế. Do vậy để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và vững chắc tất yếu phải quan tâm đầu tư cho Khoa học và Công nghệ.

Đảng và Chính phủ đưa ra nhiều quyết sách để hướng nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển chủ yếu dựa vào tài nguyên và lao động rẻ để cạnh tranh sang nền kinh tế phát triển dựa trên nền tảng tri thức KH&CN.

Đổi mới công nghệ là một trong những phương pháp tiếp cận nhanh nhất các công nghệ hiện đại trên thế giới. Đưa KH&CN trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, quyết định năng suất lao động, tạo ra của cải và cơ sở vật chất cho xã hội. Vì vậy phải có những chính sách hợp lý để bắt kịp hoặc thu hẹp khoảng cách hiện nay về công nghệ với các nước tiên tiến. Chúng ta có thể nắm bắt những công nghệ mới, bằng cách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tích cực ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến, từ đó giảm được nhiều chi phí nghiên cứu ban đầu, tập trung nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra: “đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”; Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định coi khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong các đột phá chiến lược quan trọng nhất tiến tới phát triển nhanh, bền vững “...đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo...”.

Về phía chính quyền địa phương, một trong những mục tiêu tổng quát trong 05 năm tới mà Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh Đồng Nai, nhiệm kỳ 2020 – 2025: “đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tích cực chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

Sau 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và Kế hoạch số 155-KH/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX), đã tạo được sự chuyển biến về nhận thức và vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và đông đảo các tầng lớp nhân dân, có sức lan tỏa, ngày càng phát huy tác dụng tích cực trong cuộc sống. Nổi bật trong công tác triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, Kế hoạch số 155-KH/TU, đó là: Công tác nghiên cứu, ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ đạt được nhiều kết quả khả quan; những tiến bộ về khoa học kỹ thuật được áp dụng rộng rãi trong các lĩnh vực, ngành nghề, nhất là trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp công nghệ cao, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương; giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đã góp phần nâng cao tổng giá trị sản xuất công nghiệp; phát huy năng lực, sức sáng tạo của đội ngũ tri thức khoa học công nghệ và đẩy mạnh phát triển thị trường, hợp tác phát triển khoa học công nghệ; đẩy mạnh triển khai có hiệu quả nhiều chương trình KH&CN của tỉnh trong từng giai đoạn; hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp nâng cao năng suất lao động, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa và hoạt động quản lý của doanh nghiệp thông qua việc áp dụng những tiến bộ về khoa học kỹ thuật và các hệ thống quản lý tiên tiến; việc ứng dụng KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại địa phương đã góp phần tăng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP); hoạt động KH&CN của tỉnh được đổi mới về cơ chế quản lý, đã huy động được nhiều nguồn lực từ các ngành, các cấp và thu hút nguồn nhân lực KH&CN ngoài tỉnh tham gia thực hiện theo các chương trình mục tiêu KH&CN đề ra.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh nhìn chung vẫn còn những hạn chế, đó là: việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động KH&CN còn thấp; chưa có chính sách thu hút và giữ chân được nhân lực trình độ cao tham gia các hoạt động khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh; nhận thức của các cấp, các ngành về phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa thật sự đầy đủ, chưa coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm; sự phối hợp giữa ngành KH&CN với các ngành liên quan chưa thực sự phát huy hiệu quả; nhiều đề tài nghiên cứu còn ở quy mô nhỏ và tính phổ biến ứng dụng còn hạn chế, chưa tạo được các đột phá lớn; đầu tư của doanh nghiệp cho KH&CN chưa được quan tâm nhiều; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, triển khai về KH&CN chưa đáp ứng yêu cầu; doanh nghiệp chưa thực sự được xác định là trung tâm, đóng vai trò quyết định trong hoạt động khoa học công nghệ; do đó chưa thực sự trở thành động lực để phát triển kinh tế - xã hội; thị trường KH&CN chưa phát triển mạnh; việc ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ tại doanh nghiệp còn thấp vì vậy trình độ công nghệ, chất lượng các sản phẩm chưa cao, năng lực cạnh tranh của sản phẩm còn thấp; các sản phẩm từ nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch thiếu thị trường tiêu thụ

ổn định; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh Đồng Nai hiện rất thấp.

Các sản phẩm có hàm lượng chất xám, hàm lượng khoa học và công nghệ phục vụ cho sản xuất và đời sống của người dân chưa nhiều. Chưa tạo được phong trào đổi mới sáng tạo mạnh mẽ, khoa học và công nghệ chưa thực sự gắn chặt với thị trường.

Khoa học và công nghệ vẫn chưa thực sự là động lực cải thiện năng suất và năng lực cạnh tranh để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội. Thiếu một giải pháp đủ khả thi để khuyến khích các doanh nghiệp và đầu tư tư nhân vào hoạt động nghiên cứu, đổi mới, ứng dụng khoa học, công nghệ.

Khoa học và Công nghệ chưa thể hiện được vai trò là đòn bẩy nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực khác để nâng cao chất lượng tăng trưởng và chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu.

Hiện nay, các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương ban hành về lĩnh vực KH&CN như: Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Công nghệ cao, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật, Thông tư hướng dẫn Nghị định đều có nội dung hoạt động đẩy mạnh ứng dụng KH&CN,... Tuy nhiên, Đồng Nai hiện chưa ban hành chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ. Nhằm thu hút nguồn lực để phát triển khoa học công nghệ của địa phương, từng bước hình thành nền kinh tế tri thức, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong điều kiện cạnh tranh và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Việc ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là thật sự cần thiết.

Trong thời gian qua, nhiều tỉnh, thành phố trên cả nước đã ban hành các cơ chế, chính sách để thúc đẩy, hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ. Cụ thể ở một số địa phương như sau: Quyết định số 3477/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 về việc thông qua nội dung chính sách Hỗ trợ khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2022-2026; Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 về chính sách khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025; Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 về việc một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2026; Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 về chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư nông nghiệp, ứng dụng công nghệ cao tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2030...

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, điều kiện, mức chi hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công

nghe trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023- 2030 là phù hợp và đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, được quy định tại các văn bản sau đây:

- Khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy định Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định: “4. *Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*”.

- Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh “*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”.

- Tại khoản 1 Điều 76 Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh “*Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ*”.

- Tại khoản 1 Điều 56 Luật chuyển giao công nghệ ngày 19/6/2017 quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh “*Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại địa phương*” và được Bộ Tư pháp thông báo tại Công văn số 2804/BTP-VĐCXDPL ngày 10/ 8/2017 về việc thông báo các nội dung giao địa phương quy định chi tiết các Luật, Nghị quyết được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 3.

Từ những lý do chính được khái quát như trên, việc xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, điều kiện, mức chi hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023- 2030 là thật sự cần thiết và phù hợp với các chủ trương, chính sách, cơ sở pháp lý liên quan.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể

- Nâng cao nhận thức và năng lực của các tổ chức, cá nhân về ứng dụng tiến bộ KH&CN trong sản xuất, kinh doanh và bảo vệ môi trường. Tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất nông lâm thủy sản, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

- Triển khai hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện những dự án về ứng dụng, đổi mới nâng cao trình độ công nghệ; chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm và nhân rộng mô hình; hỗ trợ các cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, xây dựng

các mô hình điểm ứng dụng KH&CN; phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN, nhất là các nhiệm vụ thuộc chương trình “hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025” theo quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015; ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong nông nghiệp, sản xuất đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường thúc đẩy góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Tạo hành lang pháp lý minh bạch, rõ ràng, đồng bộ, thống nhất về nội dung hỗ trợ ngân sách Nhà nước trong hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Mỗi năm hỗ trợ ít nhất 03 đơn vị.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển nhằm tạo ra công nghệ, sản phẩm, hàng hóa mới. Mỗi năm hỗ trợ ít nhất 01 đơn vị.

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số. Mỗi năm hỗ trợ ít nhất 03 đơn vị.

- Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao. Mỗi năm hỗ trợ ít nhất 03 đơn vị.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

1.1. Xác định vấn đề bất cập

- Việc duy trì triển khai và phát huy hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ còn hạn chế, hiệu quả ứng dụng, sức lan tỏa chưa cao.

- Năng lực của các tổ chức nghiên cứu còn nhiều hạn chế. Ở cấp độ tổ chức, các viện nghiên cứu và các tổ chức nghiên cứu đối mặt thực trạng thiếu nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực, điều này đặt ra những thách thức lớn trong việc thực hiện các kế hoạch và nhiệm vụ được giao. Đồng thời, môi trường nghiên cứu chưa thực sự thuận lợi, chưa có cơ chế đánh giá hiệu quả dựa trên dữ liệu và số liệu cụ thể dẫn đến hoạt động đầu tư còn kém hiệu quả và chưa đạt yêu cầu.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phù hợp đặc thù của tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không ban hành chính sách hỗ trợ.

b) Giải pháp 2: Ban hành chính sách

- Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai triển khai thử nghiệm, khảo nghiệm để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng quy trình công nghệ và dây chuyền sản xuất.

Mức hỗ trợ: tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Dự kiến chính sách hỗ trợ ít nhất 03 đơn vị/năm.

Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Hỗ trợ kinh phí thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Phổ biến chính sách đến toàn thể các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để các doanh nghiệp tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.
- Chủ động tiếp cận các doanh nghiệp để đề xuất các phương án hỗ trợ.
- Đơn giản hóa tối đa các bước tiếp cận chính sách để doanh nghiệp có thể dễ dàng tham gia, đây là biện pháp quan trọng để tháo gỡ các rào cản hiện nay.

Lý do chọn tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện là căn cứ điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn Nhà nước; Mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/dự án là căn cứ tình hình thực tế tại địa phương cũng như tham khảo mức hỗ trợ đã thực hiện ở một số tỉnh lân cận.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không ban hành chính sách hỗ trợ

- Tác động về kinh tế:

+ *Đối với Nhà nước:* Tỉnh không phải tốn ngân sách để hỗ trợ. Tác động tiêu cực là không có chính sách nên chưa tạo được sức hấp dẫn, thu hút tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu khoa học.

+ *Đối với đối tượng:* Không có tác động tích cực. Tác động tiêu cực là tổ chức, doanh nghiệp không được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Tác động về mặt xã hội: Không tạo được động lực để tổ chức, doanh nghiệp quan tâm nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, góp vốn bằng công nghệ để hình thành các doanh nghiệp KH&CN.

- Không có tác động về giới, thủ tục hành chính, và hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2: Ban hành chính sách

- Tác động về kinh tế:

+ *Đối với Nhà nước:*

Tích cực: Là giải pháp thiết thực để hỗ trợ cho các tổ chức nghiên cứu thử nghiệm, khảo nghiệm để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng quy trình công nghệ và dây chuyền sản xuất góp phần phát triển tổ chức, tạo nguồn thu NSNN, phát triển kinh tế của tỉnh.

Tiêu cực: Làm tăng chi ngân sách Nhà nước. Dự kiến chính sách hỗ trợ ít nhất 03 đơn vị/năm, với mức hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí để thực hiện, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

+ *Đối với đối tượng:*

Tích cực: Góp phần giảm gánh nặng chi phí của các tổ chức, giá trị ngân sách hỗ trợ hàng năm tính theo giá tuyệt đối không lớn nhưng tạo ra được giá trị rất lớn trong việc định hướng phát triển các doanh nghiệp, tổ chức trong tương lai đó là doanh nghiệp phát triển dựa trên nền tảng của khoa học và phát triển công nghệ, giúp doanh nghiệp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm trên thị trường.

Tiêu cực: phải tốn một phần chi phí đối ứng. Dự kiến mức kinh phí đối ứng là 70%.

- Tác động về mặt xã hội: Thể hiện sự quan tâm, hỗ trợ của tỉnh về hoạt động nghiên cứu khoa học. Các tổ chức thấy được sự quan tâm, đồng hành của Nhà nước trong quá trình phát triển tổ chức. Theo đó, các tổ chức an tâm và mạnh dạn ứng dụng KH&CN vào sản xuất, kinh doanh, đáp ứng với yêu cầu thực tế hiện nay góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Tác động về giới: Giải pháp này không gây bất bình đẳng giới, mọi đối tượng là nam hay nữ đều bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ chính sách.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách này đảm bảo tính hợp hiến hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách hỗ trợ làm phát sinh thủ tục hành chính liên quan đến công tác thẩm định, phê duyệt hỗ trợ; Việc ban hành trình tự, thủ tục hỗ trợ cho chính sách này sẽ tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản cho các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức cá nhân; đáp ứng được yêu cầu quản lý Nhà nước; được thực hiện theo quy trình nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh do UBND tỉnh ban hành.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Lựa chọn giải pháp 2, lý do: thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- UBND tỉnh có hướng dẫn cụ thể ngay khi HĐND tỉnh thông qua chính sách hỗ trợ để các đối tượng có thể tiếp cận chính sách một cách nhanh chóng, thuận lợi đạt được mục tiêu Nghị quyết đề ra.

- Kinh phí dự kiến: 03 (ba) tỷ đồng/năm.

2. Chính sách 2: Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển

2.1. Xác định vấn đề bất cập

- Các doanh nghiệp Việt Nam, phần lớn ở quy mô nhỏ và siêu nhỏ, không có đủ nguồn lực đầu tư cho nghiên cứu phát triển và khả năng liên kết giữa các tổ chức khoa học và công nghệ, nhà khoa học với doanh nghiệp và tổ chức khác để thực hiện nhiệm vụ KH&CN phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa còn nhiều hạn chế, không biết cách tiếp cận hợp tác để giải quyết vấn đề của mình.

2.2. Mục tiêu của chính sách

- Hỗ trợ cho các doanh nghiệp tạo ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mới, đáp ứng được yêu cầu phát triển của doanh nghiệp.

2.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không ban hành chính sách hỗ trợ

b) Giải pháp 2: Ban hành chính sách hỗ trợ

- Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện đặt hàng nghiên cứu phát triển; thuê chuyên gia và các tổ chức khác có liên quan nhằm tạo ra công nghệ, sản phẩm, hàng hóa mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Mức hỗ trợ: tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Dự kiến hỗ trợ ít nhất 01 đơn vị/năm.

Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Hỗ trợ kinh phí thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Phổ biến chính sách đến toàn thể các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để các doanh nghiệp tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.

- Tác động tích cực đến doanh nghiệp KH&CN, khuyến khích doanh nghiệp KH&CN duy trì quá trình nghiên cứu và phát triển, sáng tạo và mạnh dạn đầu tư các dự án.

- Đơn giản hóa tối đa các bước tiếp cận chính sách để doanh nghiệp có thể dễ dàng tham gia, đây là biện pháp quan trọng để tháo gỡ các rào cản hiện nay.

Lý do chọn tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện là căn cứ điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn Nhà nước; Mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/dự án là căn cứ tình hình thực tế tại địa phương cũng như tham khảo mức hỗ trợ đã thực hiện ở một số tỉnh lân cận.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không ban hành chính sách hỗ trợ

- Tác động về kinh tế:

+ *Đối với Nhà nước*: Tỉnh không phải tốn ngân sách để hỗ trợ. Tác động tiêu cực là không có chính sách nên không tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu phát triển, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa.

+ *Đối với đối tượng*: Không có tác động tích cực. Tác động tiêu cực là đối tượng không được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để nghiên cứu phát triển, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ dẫn đến sức cạnh tranh của sản phẩm kém, sản xuất không hiệu quả.

- Tác động về mặt xã hội: Không tạo được động lực để tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp.

- Không có tác động về giới, thủ tục hành chính và hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2: Ban hành chính sách hỗ trợ

- Tác động về mặt kinh tế:

+ *Đối với cơ quan Nhà nước*:

Tích cực: Là giải pháp thiết thực để hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp nâng cao năng lực tri thức. Giá trị ngân sách hỗ trợ hàng năm không lớn, nhưng tạo ra được giá trị rất lớn trong việc định hướng phát triển các doanh nghiệp trong tương lai đó là doanh nghiệp phát triển dựa trên nền tảng KH&CN, tạo nguồn thu ngân sách Nhà nước nhiều hơn.

Tiêu cực: Làm tăng chi ngân sách Nhà nước. Dự kiến chính sách hỗ trợ ít nhất 01 đơn vị/năm, tối đa 30% vốn đầu tư cho dự án khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

+ *Đối với đối tượng*:

Tích cực: Góp phần giảm gánh nặng chi phí của các tổ chức, hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện đặt hàng nghiên cứu phát triển; thuê chuyên gia và các tổ chức khác có liên quan nhằm tạo ra công nghệ, sản phẩm, hàng hóa mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tiêu cực: phải tốn một phần chi phí đối ứng. Dự kiến mức kinh phí đối ứng là 70%.

- Tác động về mặt xã hội: Thể hiện sự quan tâm, hỗ trợ của tỉnh đối với doanh nghiệp của tỉnh. Các doanh nghiệp mạnh dạn liên kết với các tổ chức khoa học và công nghệ, các nhà khoa học, đầu tư, hợp tác các dự án nghiên cứu và phát triển công nghệ, sản phẩm, hàng hóa mới, nâng cao trình độ, góp phần ổn

định xã hội.

- Tác động về giới: Giải pháp này không gây bất bình đẳng giới, mọi đối tượng là nam hay nữ đều bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ chính sách.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách này đảm bảo tính hợp hiến hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách hỗ trợ làm phát sinh thủ tục hành chính liên quan đến công tác thẩm định, phê duyệt hỗ trợ; việc ban hành trình tự, thủ tục hỗ trợ cho chính sách này sẽ tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản cho các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức cá nhân; đáp ứng được yêu cầu quản lý Nhà nước; được thực hiện theo quy trình nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh do UBND tỉnh ban hành.

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Lựa chọn giải pháp 2, lý do: thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- UBND tỉnh có hướng dẫn cụ thể ngay khi HĐND tỉnh thông qua chính sách hỗ trợ để các đối tượng có thể tiếp cận chính sách một cách nhanh chóng, thuận lợi đạt được mục tiêu Nghị quyết đề ra.

- Kinh phí dự kiến: 01 (một) tỷ đồng/năm.

3. Chính sách 3: Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số.

3.1. Xác định vấn đề bất cập

- Việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất tại khu vực nông thôn vẫn còn nhiều hạn chế; cơ chế chính sách thu hút đầu tư vào vùng nông thôn chưa hiệu quả. Nguyên nhân do vẫn còn nhiều mô hình sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, khó áp dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất; nguồn kinh phí hạn chế. Bên cạnh đó, một số địa phương và người dân chưa chủ động, sẵn sàng trong việc tiếp thu áp dụng các mô hình KH&CN đã thành công để nhân rộng sản xuất, phát triển kinh tế trên địa bàn.

- Việc nhân rộng các mô hình ứng dụng KH&CN được nghiệm thu đánh giá đạt còn chưa đáp ứng được yêu cầu mong muốn. Đây cũng là tồn tại lớn nhất trong hoạt động KH&CN mà xã hội đang quan tâm.

3.2. Mục tiêu của chính sách

- Nhân rộng các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN có hiệu quả, có quy mô phù hợp với từng địa bàn nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số; chuyển giao công nghệ, quy trình kỹ thuật mới, thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi, vật tư mới phù hợp với từng vùng miền, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số để tăng thu nhập, giảm nghèo, làm

giàu góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng.

- Thúc đẩy hoạt động thương mại hoá, ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước, nhằm khắc phục tình trạng đa số kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (thông qua các đề tài, dự án) bị lãng phí, lãng quên, chưa được triển khai duy trì, phát triển, nhân rộng vào thực tiễn sản xuất và đời sống.

3.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không ban hành chính sách hỗ trợ.

b) Giải pháp 2: Ban hành chính sách hỗ trợ.

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thông qua các mô hình cụ thể phù hợp với từng vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số trong tỉnh.

Mức hỗ trợ: tối đa 50% chi phí mua sắm vật tư, nguyên, nhiên vật liệu thực hiện dự án; Chi mua máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp và có tính quyết định đến công nghệ chuyển giao của dự án. Hỗ trợ 100% mức chi công lao động thực hiện dự án, tổng kinh phí không quá 01 (một) tỷ đồng/dự án khoa học và công nghệ. Dự kiến chính sách hỗ trợ ít nhất 03 đơn vị/năm.

Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Hỗ trợ kinh phí thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Phổ biến chính sách đến các vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Khuyến khích các tổ chức vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số thực hiện dự án chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thông qua các mô hình cụ thể phù hợp với từng vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số trong tỉnh.

- Đơn giản hóa tối đa các bước tiếp cận chính sách để doanh nghiệp có thể dễ dàng tham gia, đây là biện pháp quan trọng để tháo gỡ các rào cản hiện nay.

Lý do chọn mức hỗ trợ tối đa 50% là căn cứ điểm c, khoản 1, điều 5 Thông tư 348/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016; Mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/dự án là căn cứ tình hình thực tế tại địa phương cũng như tham khảo mức hỗ trợ đã thực hiện ở một số tỉnh lân cận.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không ban hành chính sách hỗ trợ

- Tác động về kinh tế:

+ *Đối với Nhà nước:* Tỉnh không phải tốn ngân sách để hỗ trợ. Tác động tiêu

cực là không có chính sách nên chưa tạo được sức hấp dẫn, thu hút các doanh nghiệp đầu tư cho chuyển giao công nghệ, quy trình kỹ thuật mới, thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi, vật tư mới.

+ *Đối với đối tượng*: Không có tác động tích cực. Tác động tiêu cực là đối tượng không được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để thực hiện dự án chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

- Tác động về mặt xã hội: Không tạo được động lực để các tổ chức, cá nhân thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ nhằm góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị của sản phẩm hàng hóa ở địa phương.

- Không có tác động về giới, thủ tục hành chính, và hệ thống pháp luật

b) Giải pháp 2: Ban hành chính sách hỗ trợ

- Tác động về kinh tế:

+ *Đối với cơ quan Nhà nước*:

Tích cực: Là giải pháp thiết thực để hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân duy trì quá trình chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, tạo nguồn thu ngân sách Nhà nước, phát triển kinh tế của tỉnh.

Tiêu cực: Làm tăng chi ngân sách Nhà nước. Dự kiến chính sách hỗ trợ ít nhất 03 đơn vị/năm, tối đa 50% tổng giá trị hợp đồng, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/dự án khoa học và công nghệ.

+ *Đối với đối tượng*:

Tích cực: Góp phần giảm gánh nặng chi phí của doanh nghiệp trong việc nhân rộng các mô hình ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ có hiệu quả, chuyển giao công nghệ, quy trình kỹ thuật mới, thiết bị, giống cây trồng, vật nuôi, vật tư mới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tiêu cực: phải tốn một phần chi phí đối ứng. Dự kiến mức kinh phí đối ứng là 50%.

- Tác động về mặt xã hội: Khuyến khích các tổ chức, cá nhân phối hợp chặt chẽ để triển khai thực hiện dự án KH&CN trong xây dựng nông thôn, nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số, đảm bảo chất lượng, tiến độ và định hướng của chương trình. Từ đó, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói giảm nghèo; Góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Tác động về giới: Giải pháp này không gây bất bình đẳng giới, mọi đối tượng là nam hay nữ đều bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ chính sách.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách này đảm bảo tính hợp

hiến hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách hỗ trợ làm phát sinh thủ tục hành chính liên quan đến công tác thẩm định, phê duyệt hỗ trợ; Việc ban hành trình tự, thủ tục hỗ trợ cho chính sách này sẽ tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản cho các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức cá nhân; đáp ứng được yêu cầu quản lý Nhà nước; được thực hiện theo quy trình nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh do UBND tỉnh ban hành.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Lựa chọn giải pháp 2, lý do: thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- UBND tỉnh có hướng dẫn cụ thể ngay khi HĐND tỉnh thông qua chính sách hỗ trợ để các đối tượng có thể tiếp cận chính sách một cách nhanh chóng, thuận lợi đạt được mục tiêu Nghị quyết đề ra.

- Kinh phí dự kiến: 03 (ba) tỷ đồng/năm.

4. Chính sách 4: Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao.

4.1. Xác định vấn đề bất cập

- Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh chưa thực sự quan tâm đến hoạt động sản xuất, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sản xuất sạch và đổi mới công nghệ, thiết bị, chuyển giao công nghệ hoặc có quan tâm nhưng chưa đầu tư nhân lực, tài chính để tự nghiên cứu, cải tiến thiết bị công nghệ mà chủ yếu mua thiết bị hoặc nhập dây chuyền từ bên ngoài doanh nghiệp với chi phí cao nhưng khả năng tối ưu hóa thiết bị trong quá trình vận hành thấp.

- Hoạt động ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp luôn có tính rủi ro cao, khó thu hút đầu tư; mặt khác, năng lực của doanh nghiệp, nhà sản xuất trên địa bàn tỉnh còn hạn chế cả về tài chính, quản trị và tiềm lực KH&CN.

- Việc ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp vẫn còn những hạn chế bởi chủ yếu mới tập trung tại một số vùng, một số sản phẩm có thể mạnh, một số doanh nghiệp lớn chưa có tính lan tỏa.

4.2. Mục tiêu của chính sách

- Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất nhằm thúc đẩy năng suất lao động, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa.

4.3. Giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không ban hành chính sách hỗ trợ

b) Giải pháp 2: Ban hành chính sách hỗ trợ

- Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, công nghệ giảm thiểu ô nhiễm môi trường, công nghệ tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng.

Mức hỗ trợ: tối đa 30% chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chi công lao động thực hiện dự án, tổng kinh phí không quá 01 (một) tỷ đồng/dự án khoa học và công nghệ. Dự kiến chính sách hỗ trợ ít nhất 03 đơn vị/năm.

Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn:

- Hỗ trợ kinh phí thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Phổ biến chính sách đến toàn thể các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để các doanh nghiệp tiếp cận thông tin chính sách hỗ trợ.
- Giá trị ngân sách hỗ trợ không lớn nhưng tạo ra được giá trị rất lớn trong việc định hướng phát triển các doanh nghiệp trong tương lai đó là doanh nghiệp phát triển dựa trên nền tảng của khoa học và công nghệ, giúp doanh nghiệp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm trên thị trường.

Lý do chọn tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện là căn cứ điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn Nhà nước; Mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng/dự án là căn cứ tình hình thực tế tại địa phương cũng như tham khảo mức hỗ trợ đã thực hiện ở một số tỉnh lân cận.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan.

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không ban hành chính sách hỗ trợ

- Tác động về kinh tế:
 - + *Đối với Nhà nước:* Tỉnh không phải tốn ngân sách để hỗ trợ. Tác động tiêu cực là không có chính sách nên không tạo được điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, đổi mới công nghệ.
 - + *Đối với đối tượng:* Không có tác động tích cực. Tác động tiêu cực là đối tượng không được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước để nghiên cứu nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cải tiến, đổi mới công nghệ.
- Tác động về mặt xã hội: Không tạo được động lực để tổ chức, doanh nghiệp quan tâm đầu tư, phát triển nông nghiệp công nghệ cao; có khả năng sản phẩm nông nghiệp Đồng Nai tụt hậu về chất lượng và không đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Không có tác động về giới, thủ tục hành chính và hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2: Ban hành chính sách hỗ trợ

- Tác động về kinh tế:

+ *Đối với cơ quan Nhà nước:*

Tích cực: Là giải pháp thiết thực để hỗ trợ cho các doanh nghiệp có thêm nguồn tài chính, hỗ trợ doanh nghiệp để nghiên cứu, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, đổi mới công nghệ nhằm thúc đẩy năng suất lao động, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, tạo nguồn thu ngân sách Nhà nước, phát triển kinh tế của tỉnh.

Tiêu cực: Làm tăng chi ngân sách Nhà nước. Dự kiến chính sách hỗ trợ ít nhất 03 đơn vị/năm, tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/dự án khoa học và công nghệ.

+ *Đối với đối tượng:*

Tích cực: Góp phần giảm gánh nặng chi phí của doanh nghiệp trong việc thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng từ đó nâng cao giá trị sản phẩm của doanh nghiệp.

Tiêu cực: phải tốn một phần chi phí đối ứng. Dự kiến mức kinh phí đối ứng là 70%.

- Tác động về mặt xã hội: Góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm, nâng cao giá trị và cải thiện cuộc sống người nông dân; lan tỏa việc ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất; Mức hỗ trợ một phần cũng tạo ra trách nhiệm chia sẻ chi phí, để tránh tư tưởng ỷ lại của doanh nghiệp, cho rằng chi phí họ không phải bỏ ra nên không quan tâm đến hiệu quả trong sản xuất; Góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Tác động về giới: Chính sách này không gây bất bình đẳng giới, mọi đối tượng là nam hay nữ đều bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ chính sách.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Chính sách này đảm bảo tính hợp hiến hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách hỗ trợ làm phát sinh thủ tục hành chính liên quan đến công tác thẩm định, phê duyệt hỗ trợ; Việc ban hành trình tự, thủ tục hỗ trợ cho chính sách này sẽ tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản cho các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức cá nhân; đáp ứng được yêu cầu quản lý Nhà nước; được thực hiện theo quy trình nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh do UBND tỉnh ban hành.

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Lựa chọn giải pháp 2, lý do: thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng

nhân dân tỉnh.

- UBND tỉnh có hướng dẫn cụ thể ngay khi HĐND tỉnh thông qua chính sách hỗ trợ để các đối tượng có thể tiếp cận chính sách một cách nhanh chóng, thuận lợi đạt được mục tiêu Nghị quyết đề ra.

- Kinh phí dự kiến: 03 (ba) tỷ đồng/năm.

III. Ý KIẾN THAM VẤN

Dự thảo báo cáo đánh giá tác động chính sách, cùng với các hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết được lấy ý kiến bằng văn bản gửi đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan góp ý kiến; đồng thời đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Đồng Nai để lấy ý kiến tham gia góp ý của các tổ chức, công dân.

Ngày 23/12/2022 UBND tỉnh có văn bản số 13955/UBND-KGVX về việc lấy ý kiến góp ý của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách, Tờ trình đề nghị xây dựng và Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 – 2030.

Ngày 16/02/2023 Bộ Khoa học và Công nghệ có văn bản số 303/BKHCN-UDCN góp ý về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 – 2030.

Ngày 27/01/2023 Bộ Tài Chính có văn bản số 786/BTC-NSNN góp ý về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 – 2030.

Ngày 01/02/2023 Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có văn bản số 12/CNHCM-PC góp ý về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 – 2030.

IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát thực hiện Nghị quyết này.

V. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các chỉ tiêu thực hiện

Phụ lục 2: Dự toán kinh phí thực hiện

Phụ lục 3: Tổng hợp về nội dung hỗ trợ và các văn bản vận dụng mức hỗ trợ trong dự thảo Nghị quyết./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
- Ban kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban pháp chế HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Thị Hoàng**



(Kèm theo Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh)

Phụ lục 1
Các chỉ tiêu thực hiện

STT	Nội dung	Chỉ tiêu	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030
1	Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	Đơn vị	3	4	5	5	5	5	5
2	Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển	Đơn vị	1	2	3	4	5	5	5
3	Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số	Đơn vị	3	4	5	5	5	5	5
4	Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao	Đơn vị	3	4	5	5	5	5	5

Dự toán kinh phí thực hiện

(Kèm theo Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán kinh phí							Ghi chú
		2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
1	Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	3.000	4.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	
2	Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển	1.000	2.000	3.000	4.000	5.000	5.000	5.000	
3	Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số	3.000	4.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	
4	Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao	3.000	4.000	5.000	5.000	5.000	5.000	5.000	
	TỔNG	10.000	14.000	18.000	19.000	20.000	20.000	20.000	
		42.000 (Từ năm 2024 - 2026)			79.000 (Từ năm 2027 - 2030)				
	TỔNG (Từ năm 2024 - 2030)	121.000 (Một trăm hai mươi một tỷ đồng)							



Phụ lục 3

Tổng hợp về nội dung hỗ trợ và các văn bản vận dụng mức hỗ trợ trong dự thảo

Nghị quyết Quy định nguyên tắc, điều kiện, mức chi hỗ trợ hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023- 2030

(Kèm theo Báo cáo số 106/BC-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung chính sách hỗ trợ	Căn cứ pháp lý	Văn bản vận dụng nội dung và mức hỗ trợ (Chỉ tiết một số văn bản vận dụng)
1	Hỗ trợ hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ a) Hỗ trợ kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai triển khai thử nghiệm, khảo nghiệm để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; xây dựng quy trình công nghệ và dây chuyền sản xuất; b) Mức hỗ trợ: tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện, bao gồm: chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, chi công lao động thực hiện dự án theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày	Khoản 1, Điều 14 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ: “1. Tổ chức khoa học và công nghệ sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương được hỗ trợ thông qua nhiệm vụ khoa học và công nghệ những nội dung sau: a) Tìm kiếm, thuê chuyên gia để phân tích, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ bảo đảm ứng dụng, chuyển giao theo đặc thù của địa phương; b) Nghiên cứu thử nghiệm, khảo nghiệm để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển	Nội dung hỗ trợ: vận dụng điểm b, khoản 1, điều 14 Nghị định 76/2018/NĐ-CP Mức hỗ trợ: vận dụng điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước. “1. Nhà nước giao không bồi hoàn phần tài sản trang bị thuộc về nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với: a) Nhiệm vụ được Nhà nước hỗ trợ không quá 30% tổng số vốn;” Hỗ trợ tối đa 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ là căn cứ tình hình thực tế tại địa phương cũng như tham khảo mức hỗ trợ đã thực hiện ở một số tỉnh lân cận

22 tháng 4 năm 2015 của liên Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí (gọi tắt Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN) và các định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ ngành chức năng ban hành, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	công nghệ; xây dựng quy trình công nghệ và đây chuyên sản xuất; c) Các nội dung hỗ trợ khác theo văn bản hướng dẫn hoạt động đối với các nguồn kinh phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.	
Hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu phát triển a) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện đặt hàng nghiên cứu phát triển; thuê chuyên gia và các tổ chức khác có liên quan nhằm tạo ra công nghệ, sản phẩm, hàng hóa mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. b) Mức hỗ trợ: tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện, bao gồm: chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, chi công lao động thực hiện dự án theo quy định tại Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và các định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ ngành chức năng	Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Một số nhiệm vụ: + Hoàn thiện các chính sách tài chính nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo. + Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên	Nội dung hỗ trợ: vận dụng khoản 1, điều 38 Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ “1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ do tổ chức khoa học và công nghệ, nhà khoa học liên kết với doanh nghiệp và tổ chức khác để xác định, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa sau đây gọi là nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên kết” Mức hỗ trợ: vận dụng điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước.

ban hành, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ.	cứu và ứng dụng công nghệ. + Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế	“1. Nhà nước giao không bồi hoàn phần tài sản trang bị thuộc về nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với: a) Nhiệm vụ được Nhà nước hỗ trợ không quá 30% tổng số vốn;” Hỗ trợ tối đa 01 (một) tỷ đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ là căn cứ tình hình thực tế tại địa phương cũng như tham khảo mức hỗ trợ đã thực hiện ở một số tỉnh lân cận
Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, nông thôn miền núi, dân tộc thiểu số a) Hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thông qua các mô hình cụ thể phù hợp với từng vùng nông thôn, miền núi, dân tộc thiểu số trong tỉnh. b) Mức hỗ trợ: tối đa 50% chi phí mua sắm vật tư, nguyên, nhiên vật liệu thực hiện dự án; Chi mua máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp và có tính quyết định đến công nghệ chuyển giao của dự án. Hỗ trợ 100% mức chi công lao động thực hiện dự án theo quy định tại Thông	Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ: <u>Việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ phù hợp với năng lực tiếp thu của người dân, phát huy được lợi thế so sánh từng vùng miền, phát huy được các nguồn lực xã hội tham gia thực hiện Chương trình để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số; Tập trung ưu tiên cho hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số; các dự án có sự tham gia của các doanh nghiệp với vai trò là hạt nhân trong chuỗi giá trị sản xuất hàng hóa, tạo sinh kế cho người dân vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân</u>	Nội dung hỗ trợ: vận dụng điểm i, khoản 1, điều 11 Thông tư 07/2016/TT-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2016 quy định việc quản lý “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025” được phê duyệt tại Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ “j) Xây dựng cơ chế hỗ trợ và tổ chức thực hiện nhân rộng kết quả các dự án thuộc Chương trình vào sản xuất tại địa phương;” Mức hỗ trợ: vận dụng điểm c, khoản 1, điều 5 Thông tư 348/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 “c) Chi mua sắm vật tư, nguyên, nhiên vật liệu thực hiện dự án; Chi mua máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp và có tính quyết định đến công nghệ chuyển giao của dự án. - Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 70% chi phí

	tu liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và các định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ ngành chức năng ban hành, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/dự án khoa học và công nghệ.	tộc thiểu số.	cho các nội dung quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 Thông tư này, nhưng không vượt quá mức ngân sách nhà nước hỗ trợ quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư này để thực hiện các dự án trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được xác định theo các văn bản quy định tại phụ lục kèm theo Thông tư này. - <i>Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho các nội dung quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 5 Thông tư này, nhưng không vượt quá mức ngân sách nhà nước hỗ trợ quy định tại khoản 2, Điều 2 Thông tư này để thực hiện dự án tại các khu vực còn lại.</i> Hỗ trợ 01 (một) tỷ đồng/dự án khoa học và công nghệ là căn cứ tình hình thực tế tại địa phương cũng như tham khảo mức hỗ trợ đã thực hiện ở một số tỉnh lân cận
4	Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao a) Hỗ trợ kinh phí doanh nghiệp mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công	Nghị quyết số 11-NQ/TW, ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Có chính sách <u>hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp</u>	Nội dung hỗ trợ: vận dụng điều 13, điều 19, điều 21 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ Mức hỗ trợ: vận dụng điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm

nghệ. b) Mức hỗ trợ: tối đa 30% tổng kinh phí thực hiện, bao gồm: chi phí mua sắm máy móc, thiết bị, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chi công lao động thực hiện dự án theo quy định tại Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và các định mức kinh tế kỹ thuật do các Bộ ngành chức năng ban hành, nhưng không quá 01 (một) tỷ đồng/dự án khoa học và công nghệ.	<u>đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh; xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng trong phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ; tập trung nâng cao năng lực hấp thu công nghệ của doanh nghiệp. Hoàn thiện chính sách nhập khẩu công nghệ; đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu ứng dụng, nâng cao trình độ thiết kế, chế tạo trong nước.</u>	vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước. “1. Nhà nước giao không bồi hoàn phần tài sản trang bị thuộc về nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với: a) Nhiệm vụ được Nhà nước hỗ trợ không quá 30% tổng số vốn;” Hỗ trợ tối đa 01 (một) tỷ đồng/dự án khoa học và công nghệ là căn cứ tình hình thực tế tại địa phương cũng như tham khảo mức hỗ trợ đã thực hiện ở một số tỉnh lân cận
--	---	---